TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 27-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Th

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công B

2. Hoàng Thị C

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt A, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình V, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T V

Trụ sở: Số 89 L, quận Đ, thành phố H

Đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Anh Phạm Văn Đ (theo Văn bản ủy quyền số 1982 ngày 23/5/2021), có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang L và chị Nguyễn Thị Th; cùng cư trú: Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Quang Li và bà Nguyễn Thị Th và Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ký các hợp đồng tín dụng với mục đích sản xuất kinh doanh và các thẻ tín dụng với mục đích vay tiêu dùng, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24/2/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 28/2/2019 thì ông L, bà Th vay của Ngân hàng số tiền là 276.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là mở rộng sản xuất, kinh doanh. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, ông L, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 395.417.321đ, trong đó: Nợ gốc là 276.000.000đ, nợ lãi là 119.417.321đ;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 507-01, tờ bản đồ số TM-11(303588-9-d), có địa chỉ tại Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315781 do UBND quận K cấp cho ông L, bà Th ngày 04/10/2012. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018 thì ông L, bà Th vay số tiền là 95.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, ông L, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 118.756.538đ, trong đó: Nợ gốc là 71.184.435đ, nợ lãi là 47.572.103đ.

Theo Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017 thì tạm tính đến ngày 27/9/2021, ông L, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 313.691.237đ, trong đó: Nợ gốc là 146.168.872đ, nợ lãi là 167.522.365đ.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017 thì tạm tính đến ngày 27/9/2021, ông L, bà Thu còn nợ Ngân hàng số tiền là 298.029.316đ, trong đó: Nợ gốc là 159.994.054đ, nợ lãi là 138.035.262đ.

Tổng các khoản nợ trên tạm tính đến ngày 27/9/2021 của ông L, bà Th tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi) là: 1.125.894.412đ.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ nêu trên. Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán cho khoản vay.

Đề nghị Tòa án buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Phạm Quang L trình bày như sau:

Anh và vợ là Nguyễn Thị Th có vay Ngân hàng TMCP Việt Nam T 04 khoản vay, theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên và thẻ tín dụng với mục đích vay tiêu dùng, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24/2/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 28/2/2019 thì vợ chồng anh chị vay của Ngân hàng số tiền là 276.000.000đ, thời

hạn vay 12 tháng, mục đích là mở rộng sản xuất, kinh doanh; Tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh L, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 395.417.321đ, trong đó: Nợ gốc là 276.000.000đ, nợ lãi là 119.417.321đ;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 507-01, tờ bản đồ số TM-11(303588-9-d), có địa chỉ tại Tổ H 2, phường Tr, quận Kiến An, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315781 do UBND quận K cấp cho vợ chồng anh L và chị Th ngày 04/10/2012. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018 thì vợ chồng anh chị vay số tiền là 95.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh Lợi, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 118.756.538đ, trong đó: Nợ gốc là 71.184.435đ, nợ lãi là 47.572.103đ.

Theo Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017 thì tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh L, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 313.691.237đ, trong đó: Nợ gốc là 146.168.872đ, nợ lãi là 167.522.365đ.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017 thì tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh Lợi, chị Thêu còn nợ Ngân hàng số tiền là 298.029.316đ, trong đó: Nợ gốc là 159.994.054đ, nợ lãi là 138.035.262đ.

Tổng các khoản nợ trên tạm tính đến ngày 27/9/2021 của anh L, chị Th tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi) là: 1.125.894.412đ.

Hiện nay, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh chị trả toàn bộ số nợ nêu trên, quan điểm của anh L như sau: Anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để anh chị trả khoản nợ gốc của khoản vay 276.000.000đ để anh được rút tài sản bảo đảm ra; đối với phần nợ còn lại, anh đề nghị Ngân hàng cho anh xin phần nợ lãi, tạo điều kiện cho anh chị được trả dần phần nợ gốc hàng tháng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, H: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 275, 280, 292, 293, 295, 299 Bộ luật Dân sự; căn cứ các điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín

dụng; Điều 1 Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 27/9/2021 là 1.125.894.412đ, bị đơn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đã vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp, buộc bị đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có đơn khởi kiện anh Phạm Quang L và chị Nguyễn Thị Th yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi và các khoản khác phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức cũng như tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố H, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th là bị đơn. Anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th có địa chỉ cư trú tại Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Th, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th.

[3] Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018 do chị Nguyễn Thị Th ký; Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017 do anh Phạm Quang L ký; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017 do anh Phạm Quang L ký. Mặc dù khi ký các văn bản nêu trên, có văn bản do chị Th ký, có văn bản do anh L ký, tuy nhiên anh Phạm Quang L và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Do đó các khoản vay nêu trên được Hội đồng xét xử xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng và vợ chồng anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho ngân hàng các khoản vay đó theo quy định của pháp luật.

[4] Về Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24/2/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 28/2/2019 thì anh L, chị Th vay của Ngân hàng số tiền là 276.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là mở rộng sản xuất, kinh doanh. Hợp đồng này được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 507-01, tờ bản đồ số TM-11(303588-9-d), có địa chỉ tại Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315781 do UBND quận K cấp cho anh L, chị Th ngày 04/10/2012. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 522937 ngày 26/02/2018 đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành. Tại điểm 3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp có quy định Ngân hàng chỉ cho khách hàng vay cao nhất là 276.000.000đ. Thực tế theo Khế ước nhận nợ ngày 28/2/2019 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã cho anh L, chị Th vay số tiền 276.000.000đ, đây là số tiền tối đa ngân hàng có thể cho vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp. Như vậy, Hợp đồng thế chấp này chỉ để đảm bảo duy nhất cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LN1802090522937 ngày 24 tháng 02 năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với vợ chồng anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th. Tạm tính đến ngày 01/9/2021, anh L, chị Th còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24/2/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 28/2/2019 số tiền là 390.895.663đ, trong đó: Nợ gốc là 276.000.000đ, nợ lãi là 104.227.334đ, phạt chậm trả lãi là 10.668.329đ. Như vậy cần buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nêu trên. Trường hợp anh L, chị Th không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K xử lý tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 507-01, tờ bản đồ số TM-11(303588-9-d), có địa chỉ tại Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315781 do UBND quận K cấp cho anh L, chị Th ngày 04/10/2012 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 522937 ngày 26/02/2018 do anh L, chị Th đã ký kết với Ngân hàng để ngân hàng thu hồi nợ.

[5] Về Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018 thì vợ chồng anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th vay số tiền là 95.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là vay vốn kinh doanh. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh L, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 116.903.404đ, trong đó: Nợ gốc là 71.184.435đ, nợ lãi là 47.572.103đ. Như vậy cần buộc anh L, chị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ khoản tiền nêu trên.

[6] Về Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017, mục đích vay là vay tiêu dùng cá nhân. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh L, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 313.691.237đ, trong đó: Nợ gốc là 146.168.872đ, nợ lãi là 167.522.365đ. Như vậy

cần buộc anh L, chị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ khoản tiền nêu trên

[7] Về Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017, mục đích vay để gia công cơ khí. Đây là loại thẻ tín tín dụng không tài sản đảm bảo được thể hiện ngay trong phần thông tin loại thẻ khách hàng muốn đăng ký. Tạm tính đến ngày 27/9/2021, anh Lợi, chị Thêu còn nợ Ngân hàng số tiền là 298.029.316đ, trong đó: Nợ gốc là 159.994.054đ, nợ lãi là 138.035.262đ. Như vậy cần buộc anh L, chị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ khoản tiền nêu trên

[9] Kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2021 anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24 tháng 02 năm 2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018; Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và các văn bản vay nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[11] Về án phí: Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 26Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

1.1. Buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Thu phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 395.417.321đ (ba trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 276.000.000đ, nợ lãi là 119.417.321đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24 tháng 02 năm 2018.

1.2. Trường hợp anh L, chị Th không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu tại mục 1.1 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K xử lý tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 507-01, tờ bản đồ số TM-11(303588-9-d), có địa chỉ tại Tổ H 2, phường Tr, quận K, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315781 do UBND quận Kn cấp cho anh L, chị Th ngày 04/10/2012 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 522937 ngày 26/02/2018 do anh Lợi, chị Thêu đã ký kết với Ngân hàng để ngân hàng thu hồi nợ.

1.3. Buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ 118.756.538đ (một trăm mười tám triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018.

1.4. Buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ 313.691.237 theo Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017.

1.5. Buộc anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ 298.029.316đ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017.

1.6. Kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2021 anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 24 tháng 02 năm 2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2018; Giấy đăng ký vay không tài sản bảo đảm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng cá nhân ngày 13/6/2017; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/11/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và các văn bản vay nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.411.000đ (mười một triệu, bốn trăm mười một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015302 ngày 04/5/2021 và 10.375.000đ (mười triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứn án phí, lệ phí Tòa án số 0015360 ngày 26/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K. Anh Phạm Quang L, chị Nguyễn Thị Th phải chịu 36.366.000đ (ba mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại và

15.684.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T, anh Phạm Quang L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Th